

Bản án số: 422/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Nguyễn Văn Mẫn

- Thư ký phiên Tòa: bà Võ Thị Mỹ Nhan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 211/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh Thái Văn H, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến thể hiện có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Thái Văn H được gia đình hai bên mai mối nhưng tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Quá trình về chung sống với nhau, giữa chị và anh H không có hạnh phúc, anh H chỉ biết ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo chí thú làm ăn, chị cũng đã lựa lời khuyên ngăn nhưng anh H không sửa đổi mà ngày càng sống vô trách nhiệm hơn. Vì vậy chị đã sống ly thân với anh H từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, chị và anh H không thể nào hàn gắn để xây dựng hôn nhân hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn anh H. Về con chung, chị xác định giữa chị và anh H có một con chung tên Thái Dư H

B, sinh ngày 03/9/2006. Hiện tại con đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Văn H không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Thái Văn H do cha mẹ mai mối nhưng tự nguyện đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Thanh Lộc, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn với anh H với lý do anh H sống vô trách nhiệm, không lo chí thú làm ăn chỉ biết ăn chơi, chị T cũng đã lựa lời khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh H có một con chung tên Thái Dư B, sinh ngày 03/9/2006. Hiện tại con đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết. Anh H không có ý kiến phản đối gì về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Thái Văn H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Thái Văn H với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt, riêng anh H đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh H nhưng không thực hiện được do anh H không có mặt tại nhà nên đã thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định tại nơi cư trú, trụ sở Ủy ban nhân dân xã T nhưng anh H vắng mặt qua các lần mời của Tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T và anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và Thái Văn H do gia đình cha mẹ hai bên mai mối nhưng tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Lộc, huyện Giồng Giồng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, được chị T xác định như thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con, sống vô trách nhiệm chỉ biết ăn chơi. Chị T cũng đã khuyên ngăn nhưng không mang lại hiệu quả nên chị đã không còn chung sống với anh H từ năm 2023 cho đến nay. Anh H không có ý kiến phản đối gì với trình bày của chị T và cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này được thể hiện qua các lần mời của Toà mục đích đề hoà giải nhằm hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng anh H vắng không rõ lý do. Vì vậy, việc xác định nêu trên của chị T có đủ căn cứ để chứng minh rằng mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững giữa chị T và anh H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên chị T yêu cầu ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Thái Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị T xác định chị và anh H có một con chung tên Thái Du Hoàng B, sinh ngày 03/9/2006. Hiện tại cháu B đã trưởng thành chị T không yêu cầu giải quyết. Anh H cũng không ý kiến phản đối gì về con chung do đó con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009228 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Thái Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Thái Văn H có một con chung tên Thái Dư Hoàng B, sinh ngày 03/9/2006, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009228 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS, VP

Nguyễn Thị Cẩm Hương